

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

(Dự thảo 22.9.2026)

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2023 quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2021 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2023 quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2021 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 03/2023/TT-BGDĐT NGÀY 06 THÁNG 02 NĂM 2023 BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 5

“3. Biện tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên bên trái: Ủy ban nhân dân xã/phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) + tên đơn vị hành chính.

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 của Điều này. Đối với trường PTDTBT có điểm trường, tên điểm trường ghi dưới tên trường.

c) Dưới cùng ghi địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

“1. Trường PTDTBT tiểu học, trường PTDTBT trung học cơ sở và trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.”.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 04/2023/TT-BGDĐT NGÀY 23 THÁNG 02 NĂM 2023 BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 2

“2. Học sinh dân tộc nội trú là học sinh thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 Quy chế này được tuyển vào học tại trường PTDTNT hoặc tại cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“1. Hệ thống trường PTNT gồm có: Trường PTDTNT trung học cơ sở; Trường PTDTNT trung học phổ thông; Trường PTDTNT trung học cơ sở và trung học phổ thông.

2. Cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền thành lập giao nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trong các trường hợp sau:

a) Tại địa phương, đối tượng tuyển sinh trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại Điều 9 quy chế này không đáp ứng quy mô tối thiểu đối với cơ sở giáo dục phổ thông;

b) Khi thực hiện sắp xếp lại các cơ sở giáo dục, trường phổ thông dân tộc nội trú trở thành phân hiệu hoặc điểm trường của cơ sở giáo dục phổ thông và tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5

“Điều 5. Tên trường, biển tên trường

1. Việc đặt tên trường PTDTNT được quy định như sau:

Trường PTDTNT trung học cơ sở/trường PTDTNT trung học phổ thông/trường PTDTNT trung học cơ sở và trung học phổ thông + tên riêng.

2. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập, biển tên trường, con dấu và giấy tờ giao dịch của trường.

3. Biễn tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên bên trái:

- Đối với trường PTDTNT trung học cơ sở: Ủy ban nhân dân cấp xã và tên đơn vị hành chính.

- Đối với trường PTDTNT có cấp học cao nhất là cấp trung học phổ thông:

Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và tên tỉnh;

Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

c) Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 của Điều 6

“1. Trường PTDTNT trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Trường PTDTNT có cấp học cao nhất là cấp trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9

“1. Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại:

a) Thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là xã, thôn đặc biệt khó khăn);

b) Thôn, xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

3. Học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Trường PTDTNT được tuyển không quá 10% học sinh là người dân tộc Kinh trong tổng số chỉ tiêu tuyển mới hằng năm.

4. Trường hợp học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này nhỏ hơn quy mô của trường PTDTNT trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể quy định thêm vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh học sinh dân tộc thiểu số trên vùng này.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 10

“2. Hồ sơ dự tuyển

- Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số Căn cước công dân/số Căn cước của học sinh, địa chỉ thường trú;
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 11

“2. Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau:

a) Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

b) Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh quy định tại Điều 9 của Quy chế này đáp ứng các quy định về điều kiện tuyển thẳng theo quy định tại Quy chế tiếp nhận học sinh đầu cấp giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư ban hành Quy chế tiếp nhận học sinh đầu cấp giáo dục phổ thông.

Điều 10. Sửa đổi điểm a khoản 2 của Điều 12

“a) Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn trường PTDTNT có cấp học cao nhất là trung học phổ thông và Ủy ban nhân dân cấp xã có trường PTDTNT trung học cơ sở đặt trên địa bàn xã tổ chức tuyển sinh theo Kế hoạch tuyển sinh của tỉnh/thành phố.”.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 23/2023/TT-BGDĐT NGÀY 18 THÁNG 12 NĂM 2023 QUY ĐỊNH VỀ VIỆC DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT CHO TRẺ EM LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỚC KHI VÀO LỚP MỘT

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 20

“3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; bố trí nhân sự, đảm bảo cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo thẩm quyền quy định.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 21

“2. Hướng dẫn các trường tiểu học, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp tiểu học có học sinh là người dân tộc thiểu số xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện; tập huấn và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 22

1. Sửa đổi tên Điều 22 như sau:

“Điều 22: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để bảo đảm các điều kiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.”.

3. Bãi bỏ khoản 2, khoản 3, Điều 22

4. Sửa đổi số thứ tự khoản 4 Điều 22 như sau:

“2. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện những khó khăn vướng mắc và có biện pháp hỗ trợ hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương trong quá trình thực hiện; kịp thời khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhằm phát huy những kết quả đạt được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo sau khi kết thúc thời gian dạy học.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung tên Điều, khoản 2, khoản 3 của Điều 23

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 23 như sau:

“Điều 23. Trách nhiệm của Hiệu trưởng các trường tiểu học, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp tiểu học”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 23 như sau:

“2. Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học; sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp để thực hiện nội dung dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo quy định; thực hiện theo thẩm quyền và tham mưu cấp có thẩm quyền việc bố trí, sắp xếp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm điều kiện thực hiện dạy học”.

3. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị, nhận xét và đánh giá kết quả dạy học trong phạm vi quyền hạn của hiệu trưởng các trường tiểu học, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp tiểu học; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi năm học mới bắt đầu.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 26

“Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, hiệu trưởng các trường tiểu học, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp tiểu học và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./”.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 32/2021/TT-BGDĐT NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 2021 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 82/2010/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 7 NĂM 2010 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VIỆC DẠY VÀ HỌC TIẾNG NÓI, CHỮ VIẾT CỦA DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 của Điều 2

“4. Giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số đạt trình độ theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.”.

Điều 17. Bãi bỏ Điều 3 tại Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

Chương V

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 09/2021/TT-BGDĐT NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 2021 QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC TRỰC TUYẾN TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 12 như sau:

“2. Chủ trì hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên, cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn.

3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 13 của Thông tư này; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý tổ chức dạy học trực tuyến; kiểm tra, giám sát việc tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến; giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ban hành kế hoạch triển khai dạy học trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý; bố trí nguồn lực theo thẩm quyền và quy định của pháp luật để bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ tổ chức dạy học trực tuyến tại các cơ sở giáo dục này.

2. Bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên, cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng dạy học trực

tuyển cho giáo viên, cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức dạy học trực tuyến tại các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý; giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến.”.

Điều 21. Bãi bỏ Điều 14

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 15 như sau:

“6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả của việc tổ chức dạy học trực tuyến; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dạy học trực tuyến. Định kỳ mỗi năm hai lần, tại thời điểm kết thúc mỗi học kỳ, đánh giá, rút kinh nghiệm về tổ chức dạy học trực tuyến; tổng hợp khó khăn, nguyên nhân, kiến nghị gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 9; Điều 12; khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 15 Điều 18 và Điều 10 Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của hcinsh quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông.

Điều 25. Quy định chuyển tiếp

1. Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và còn thời hạn thực hiện thì tiếp tục được thực hiện đến hết thời hạn.

2. Trường hợp kế hoạch quy định tại khoản 1 Điều này có nội dung không phù hợp với Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư này thì cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành kế hoạch có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục KTVB & TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Như Điều 19;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng PLQG; Cơ sở Dữ liệu quốc gia về VBQPPL;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDPT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng